

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Lâm Thúy Ng, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số x (số mới x1) NĐC, Phường y, thành phố Đà Lạt.

- Bị đơn: Anh Ngô Hữu Tr, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số x (số mới x1) NĐC, Phường y, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ hiện nay: Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ng có mặt; anh Tr có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Đặng Lâm Thúy Ng trình bày:**

Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2020 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/7/2020.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị ở số x (số mới x1)

NĐC, Phường y, thành phố Đà Lạt.

Trong quá trình chung sống thì anh Tr không lo làm ăn, theo bạn bè chơi bời không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng lên. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Sau đó thì chị nghe tin anh bị Công an tỉnh Lâm Đồng bắt tạm giam vì có đơn tố cáo liên quan đến tiền bạc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Tr nên đề nghị ly hôn.

Về con chung không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

** Theo đơn trình bày của anh Ngô Hữu Tr đề ngày 14/9/2022 thì:*

Anh và chị Ng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt tháng 9/2020, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị ở số x (số mới x1) NĐC, Phường y, thành phố Đà Lạt. Sau khi kết hôn được 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng ý quan điểm sống. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Ng.

Nay chị Ng đề nghị ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được do anh Ngô Hữu Tr có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Tr. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Ng và anh Tr được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ng và bị đơn anh Tr có đăng ký kết hôn, nay chị Ng có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh

chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh Ngô Hữu Tr có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Lâm Thúy Ng thì thấy rằng:

Chị Ng và anh Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/7/2020. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Tr là có trên thực tế nhưng chưa có con chung.

Thời gian chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù cả hai bên đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên, theo chị Ng thì vợ chồng không chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay.

Theo đơn trình bày đề ngày 14/9/2022 của anh Tr (bút lục số 35), theo nội dung đơn anh Tr cũng đồng ý với đơn khởi kiện của chị Ng.

Xét thấy, hiện nay cả chị Ng và anh Tr cũng thừa nhận không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Tr là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Cả chị Ng và anh Tr đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 55, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Lâm Thúy Ng về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Ngô Hữu Tr.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Đặng Lâm Thúy Ng và bị đơn anh Ngô Hữu Tr được ly hôn.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Đặng Lâm Thúy Ng phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001793 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đặng Lâm Thúy Ng có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng anh Ngô Hữu Tr vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.y, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Thị Liên